



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
HOANG LONG GROUP

AD: 68 Nguyễn Trung Trục, District Bến Lức, Province Long An Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trục, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

☎: (072) 3872848

E-mail: info@hoanglonggroup.com

www.hoanglonggroup.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG



THÁNG 4 NĂM 2017

I. TỔNG QUAN VỀ HLG

Công ty CP Tập đoàn Hoàng Long tiền thân là Công ty TNHH XNK TM & XD Hoàng Long được thành lập 10/1999 với vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, chức năng kinh doanh chính là thuốc lá điều nội địa, hương phụ liệu thuốc lá. Từ năm 2002, công ty đã có sự tăng trưởng nhanh chóng và trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh Long An. Đến năm 2007, công ty chuyển thành Công ty cổ phần Hoàng Long, với vốn điều lệ ban đầu là 266,36 tỷ đồng. Sau đó, công ty thực hiện tăng vốn thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động, các cổ đông sáng lập và cổ đông chiến lược. Đến năm 2010 theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1100414052 do Sở KH&ĐT Long An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/12/2010 thì vốn điều lệ hiện tại của công ty là 443.753.850.000 đồng.



HLG là một trong những tập đoàn kinh tế lớn của VN, nhóm Công ty HLG hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau: Lĩnh vực kinh doanh thuốc lá; Lĩnh vực đầu tư xây dựng, thi công hạ tầng; Lĩnh vực vận tải taxi; Thủy sản;; Các lĩnh vực khác.

HLG đã nhận nhiều giải thưởng của Nhà nước, Chính phủ, Tỉnh Long An: Huân chương Lao động hạng III, Bằng khen của Thủ tướng, và nhiều giải thưởng khác của các Bộ, ngành Trung ương.

Về công tác từ thiện xã hội, trong hơn 17 năm qua (1999-nay) Tập đoàn Hoàng Long và cá nhân Chủ tịch HĐQT đã đóng góp gần 51 tỷ đồng xây dựng hàng trăm căn nhà tình nghĩa, tình thương; tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo trong tỉnh và các tỉnh ĐBSCL; ủng hộ Quỹ mở tim trẻ em nghèo Việt Nam; Quỹ khuyến học Việt Nam, Quỹ chất độc màu da cam; xây dựng bệnh viện, trường học, đường sá... tại tỉnh Long An và cả nước.

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình phát triển:

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
Tên giao dịch	:	Hoang Long Group
Tên viết tắt	:	HOANG LONG
Trụ sở chính	:	Toà nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, Bến Lức, Long An
Điện thoại	:	(072) 3872 848 – 08.39232401
Fax	:	(072) 3655 335
E-mail	:	info@hoanglonggroup.com
Website	:	www.hoanglonggroup.com

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long là Công ty TNHH XNK & XD Hoàng Long, được thành lập vào tháng 10 năm 1999 có 30 nhân viên ban đầu với chức năng chính là kinh doanh thuốc lá điều nội địa, hương phụ liệu thuốc lá. Vốn điều lệ ban đầu là 1 (một) tỷ đồng.
- Từ năm 2002, công ty đã có sự tăng trưởng nhanh chóng và trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh Long An.
- Đến năm 2007, trong xu thế phát triển chung và nhận thấy nhiều cơ hội trong xu thế hội nhập của đất nước, Công ty đã quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH XNK & XD Hoàng Long thành Công ty Cổ phần Hoàng Long theo Thông báo số 54/TB-ĐKKD ngày 15 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH XNK TM & XD Hoàng Long và cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Hoàng Long Long An số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007.
- Đến ngày 17 tháng 04 năm 2008, Công ty chuyển tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long.
- Ngày 09 tháng 09 năm 2009, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán HLG) chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (theo Giấy phép niêm yết số 105/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM cấp ngày 01/09/2009), tổng số cổ phần niêm yết là 28.768.711 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Việc

niệm yết này đã khẳng định vị thế, sức phát triển và tính đại chúng của Công ty và cổ phiếu HLG trên thị trường.

2. Tầm nhìn và sứ mệnh:

- Tầm nhìn: *“trở thành Tập đoàn kinh tế có lộ trình phù hợp để hội nhập nền kinh tế thế giới”*.
- Sứ mệnh: *Xây dựng môi trường làm việc năng động và công bằng. Chinh phục và đi đến đỉnh cao mới. Dem lại lợi ích và cơ hội phát triển cho doanh nghiệp, cho người lao động, cho đối tác và cho cộng đồng.*
- *Nguyên tắc* là nền tảng cho hành động của chúng tôi:
 - + Đảm bảo sự tăng trưởng bền vững
 - + Tạo môi trường để các cảm hứng sáng tạo phát triển là lợi thế của chúng tôi
 - + Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có phong cách hiện đại và tính chuyên nghiệp
 - + Xây dựng và nuôi dưỡng niềm tin và lòng tự hào về giá trị đích thực của Hoàng Long
- *Giá trị cốt lõi* là công cụ, phương tiện thực hiện sứ mệnh trong mọi hành động chúng tôi luôn dựa vào các tiêu chuẩn sau để đạt được sứ mạng của mình:
 - + *An toàn:* Chịu trách nhiệm về các hành vi an toàn của bản thân và của mọi người xung quanh; Tuân thủ và nhắc nhở người khác tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn lao động; Không được làm việc trong môi trường không an toàn nếu chưa được huấn luyện và được trang bị bảo hộ; Chủ động nhận ra và báo cáo về bất kỳ các môi trường làm việc không an toàn; Luôn sử dụng bảo hộ đúng cách.
 - + *Định hướng khách hàng:* Lắng nghe và có phản hồi cho khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan; Giao tiếp rõ ràng nhằm đạt được sự thông hiểu về mong muốn và kỳ vọng; Tạo ra sản phẩm, dịch vụ sáng tạo và cạnh tranh; Tạo sự thoải mái trong tương tác giữa khách hàng và nhà cung cấp; Đạt mong đợi của khách hàng.
 - + *Kỷ luật:* Hành động với sự minh bạch, chính trực và tính chuyên nghiệp; Đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, sạch và không bạo lực; Đưa ra thời hạn cho công việc và thực hiện đúng như cam kết; Chú ý đến chi tiết khi thực hiện công việc.
 - + *Chất lượng:* Đạt được tiêu chuẩn cao nhất cho sản phẩm và dịch vụ; Liên tục cải tiến, phát triển và hoàn thiện; Tự hào về sản phẩm và dịch vụ của mình.

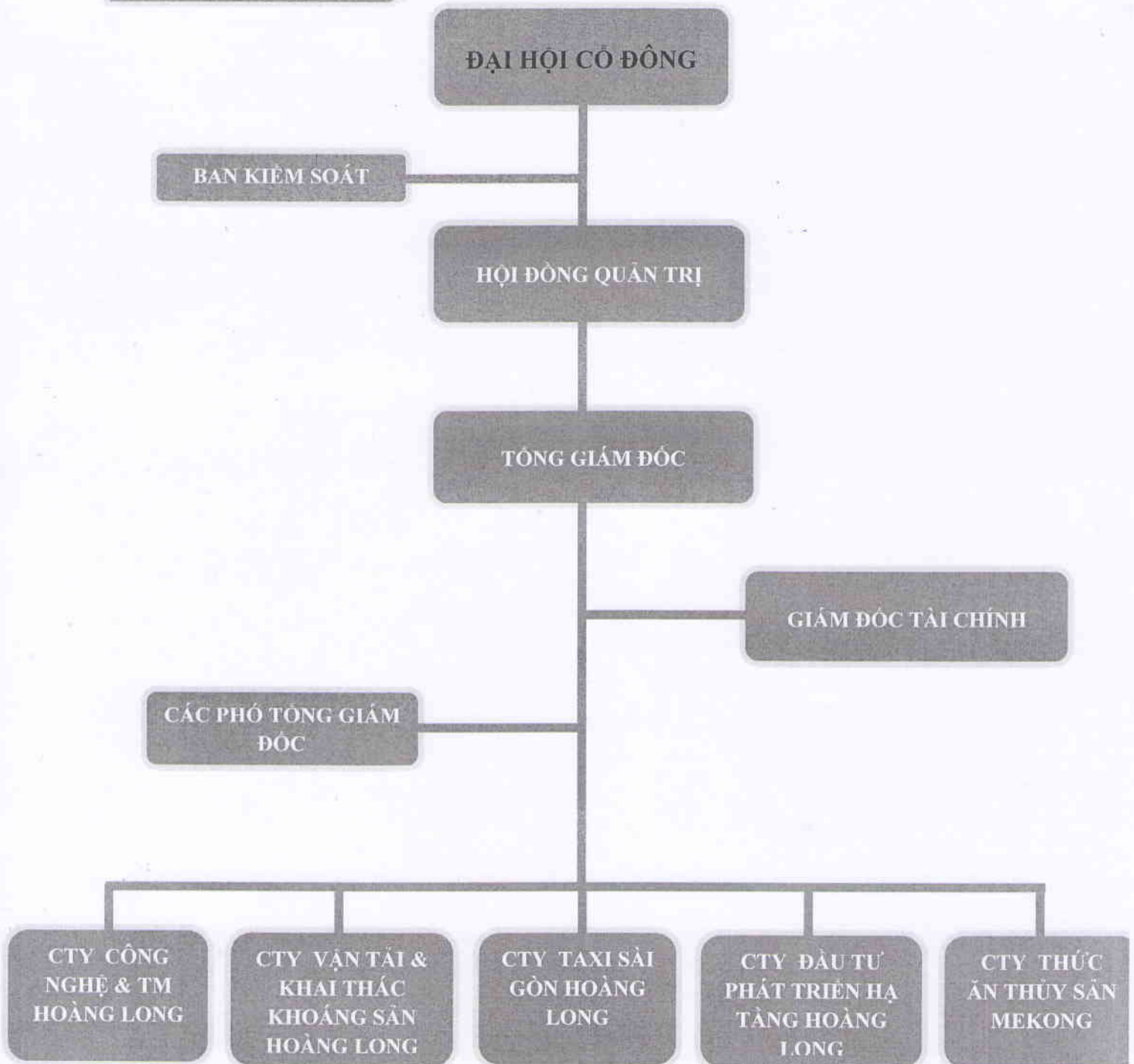
+ **Con người:** Tin tưởng và tôn trọng mọi người; Đề cao tinh thần hợp tác, chia sẻ; Quản lý công việc và con người một cách linh hoạt và sáng tạo; Phát triển, hỗ trợ người khác thực hiện công việc và luôn tìm kiếm chuẩn bị cho đội ngũ lãnh đạo kế thừa.

+ **Sáng tạo:** Lắng nghe và đánh giá cao các sáng kiến và ý tưởng mới; Hỗ trợ và sẵn sàng tạo cơ hội, giảm thiểu mọi rào cản để các ý kiến tạo giá trị cho công ty được thực hiện.

+ **Tinh sở hữu:** Yêu cầu tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện công việc và trong phối hợp giữa các bộ phận; Hành động như người chủ doanh nghiệp và sử dụng tài sản công ty như tài sản chính mình; Hành động vì thành công của cả tập đoàn.

+ **Hiệu quả về chi phí:** Luôn tính toán về hiệu quả về chi phí bằng cách xem xét tình hình thực tại và cắt bỏ mọi thứ không cần thiết; Luôn cân nhắc các nguồn lực đang sử dụng và tìm ra cách vận hành hiệu quả nhất với chi phí tốt hơn; Sử dụng công cụ tài chính phù hợp để có quyết định chi tiêu đúng đắn; Thường xuyên xem xét các chi tiêu để tính toán hiệu quả chi phí phù hợp.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HLG



⚡ Các công ty thành viên sau:

TT	Tên công ty thành viên	Vốn Điều lệ	Địa chỉ	% Vốn sở hữu
01	Công ty TNHH MTV Công nghệ & Thương mại Hoàng Long	30 tỷ đồng	Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, Bến lức, LA	100%
02	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	160,6 tỷ đồng	Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, Bến lức, LA	100%
03	Công ty TNHH MTV Vận Tải & Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	85 tỷ đồng	Tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, Bến lức, LA	100%
04	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	70 tỷ đồng	281-283 An Dương Vương, P3, Q5, Tp.HCM	100%
05	Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản MEKONG	100 tỷ đồng	Áp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn thủy sản đạt doanh thu 2.232 tỉ đồng.

Địa bàn kinh doanh chính: Áp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Năm 2016 do biến động cả về chính trị, kinh tế, thị trường Tài chính đặc biệt sự kiện nước Anh quyết định rời khỏi ngôi nhà chung Châu Âu (Brexit) ảnh hưởng đến nền kinh tế Châu Âu và khiến nền kinh tế Thế Giới tiếp tục trì trệ, tăng trưởng thấp, các hiệp định thương mại gặp khó khăn, giá dầu không ổn định.

Sự suy giảm tăng trưởng của Kinh tế Thế giới nhất là Trung Quốc, biến động giá dầu và thị trường Tài chính toàn cầu sẽ là những yếu tố chính ảnh hưởng đến tăng trưởng của kinh tế Việt Nam. Năm 2016 chính phủ mới phải đối mặt với nhiều khó khăn dồn dập, Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai, sự cố môi trường Formosa, nạn hạn hán và xâm nhập mặn của nước biển vào sông đã gây thiệt hại lớn cho Đồng bằng sông cửu long nhưng kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đà phục hồi. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm đạt 6,2%, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, thị trường chứng khoán có sự chuyển biến tích cực, xuất khẩu hàng Nông, lâm, thủy sản tăng khá tuy nhiên giá xuất khẩu nông sản thực phẩm giảm. Nhìn chung hoạt động của doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn

Dù tình hình thị trường rất khó khăn nhưng với những giải pháp linh hoạt Ban lãnh đạo Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long vẫn luôn cố gắng vượt qua thách thức của thị trường, tiếp tục thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm ổn định sản xuất, duy trì tốt mọi hoạt động của công ty, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, đặc biệt vẫn duy trì các chế độ chính sách lễ, tết cho người lao động. Chính vì thế với sự nỗ lực của đội ngũ lãnh đạo và toàn thể công nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Long đã quyết tâm vượt qua những khó khăn năm 2016 đầy biến động và tạo đà thuận lợi cho năm 2017

***Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:**

Trong năm 2016, Công ty vẫn tập trung vào các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và tiếp tục đầu tư vào các dự án trọng điểm đã được Nghị Quyết thông qua như :

- Hoạt động kinh doanh nguyên liệu, hương liệu và thuốc lá điếu;
- Hoạt động vận tải hành khách Taxi;
- Hoạt động thi công, xây dựng; Kinh doanh và sàn giao dịch BĐS; Cấp nước;
- Hoạt động kinh doanh thức ăn thủy sản ;
- Đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết.

1. Hoạt động kinh doanh của công ty mẹ:

Trong bối cảnh khó khăn chung, xuất phát từ mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp và để tối đa hóa giá trị doanh nghiệp công ty đã xem xét và tìm ra mô hình cấu trúc mới, tạo ra trạng thái tốt hơn và hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn. Công ty mẹ đầu tư vào các công ty con và hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh thức ăn thủy sản.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Doanh thu thuần: 671.645.909.854 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 111.318.293.922 đồng

Trong đó lợi nhuận sau thuế từ Công ty con chuyển về : 20.911.781.062đ

2. Hoạt động kinh doanh của công ty TNHH 1 TV Thương Mại Hoàng Long :

Công ty TNHH MTV CN & Thương mại Hoàng Long tiếp tục kinh doanh mặt hàng truyền thống của doanh nghiệp là thuốc lá gói, hương liệu thuốc lá , ngoài ra công ty vẫn tiếp tục kinh doanh nguyên liệu thức ăn chế biến thủy sản với kết quả cụ thể như sau:

2.1 Hoạt động kinh doanh thuốc lá gói, hương liệu và vận chuyển:

Hương liệu dùng trong pha chế và sản xuất thuốc lá gói các loại: đã cung cấp 1.656 lít hương và 3.450 lít nước xử lý các loại cho đơn vị sản xuất đạt doanh thu 293.324.448 đồng.

Đối với sản phẩm thuốc lá gói nội địa : Sản lượng tiêu thụ đạt 4.280.960 gói Donagold. Doanh thu đạt 24.723.488.800 đồng

Doanh thu vận chuyển và doanh thu khác : 56.828.030 đồng.

2.2. Hoạt động kinh doanh nguyên liệu thức ăn chế biến thủy sản:

Công ty cũng đã kinh doanh 5.339.240 kg nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản đạt doanh thu : 55.420.598.400 đồng .

Như vậy doanh thu thuần năm 2016 là: 80.494.239.678 đồng

Lợi nhuận sau thuế là : 239.960.087 đồng

3. Hoạt động kinh doanh vận tải taxi:

Năm 2016 là năm cực kỳ khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải hành khách đặc biệt là taxi. Các doanh nghiệp hoạt động vận chuyển hành khách công cộng chịu tác động mạnh từ các chính sách trong nước như: xăng dầu tăng liên tục, điện nước, lương cơ bản tăng khiến đầu vào tăng trong khi giá cước không tăng. Sự dịch chuyển lực lượng lao động về tỉnh gia tăng khiến nguồn lao động lái xe hàng năm thiếu hụt trầm trọng.

Thêm nữa, thị trường vận tải hành khách còn trong giai đoạn chuyển biến mạnh do sự bùng nổ của số lượng xe Uber và Grap. Khi xuất hiện Uber và Grap, các lái xe có thể qua ngân hàng đầu tư xe và đăng ký qua Uber-Grap trực tiếp phục vụ khách khiến số lượng lái xe của Công ty taxi sụt giảm mạnh. Chính vì thế ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của Công ty.



Taxi Sài Gòn Hoàng Long nhận bàn giao xe mới

Với những khó khăn trên, tuy chưa thể đầu tư tăng trưởng để phát triển nhưng nhằm đảm bảo chất lượng phương tiện, giữ khách hàng và lái xe, trong năm công ty đã thanh lý 75 xe cũ đồng thời đầu tư 33 xe mới, công ty vẫn giữ sự ổn định hoạt động, tiết kiệm chi phí, bảo vệ các điểm tiếp thị phù hợp với tiềm lực doanh nghiệp, tạo sự tin nhiệm cho khách hàng.

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2016 như sau:

- Tổng doanh thu: 56.574.650.134 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 107.173.127 đồng

4. Hoạt động của công ty TNHH 1 TV hạ tầng Hoàng Long :

Năm 2016 công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Hoàng Long tiếp tục kinh doanh các mảng bao gồm : Thi công xây dựng; cấp nước; kinh doanh bất động sản. Hoạt động kinh doanh cấp nước của công ty trong năm vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng nguồn nước bị ảnh hưởng do hạn hán xâm nhập mặn , các đối thủ cạnh tranh cũng mở rộng kinh doanh nên kết quả kinh doanh mảng cấp nước vẫn chưa được như mong đợi.

Kết quả hoạt động kinh doanh từng lĩnh vực của công ty cụ thể như sau :

4.1. Lĩnh vực thi công, xây dựng:

Doanh thu hoạt động thi công, xây dựng: 5.771.383.636 đồng

4.2. Lĩnh vực cấp nước:

Trong năm 2016 tổng khối lượng nước cung cấp: 1.346.558m³ (tổng số khách hàng sử dụng hiện nay là 2.955 hộ dân và 44 doanh nghiệp).

Doanh thu hoạt động cung cấp nước: 9.163.915.060 đồng

4.3. Doanh thu kinh doanh bất động sản & doanh thu khác: 41.571.975.500 đ

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Doanh thu đạt: 56.507.274.196 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 15.393.527.634 đồng

5. Hoạt động kinh doanh, thức ăn thủy sản :

Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong , với tổng diện tích sử dụng là: 7,5 ha. Hệ thống nhà xưởng, kho bãi, khuôn viên quy hoạch đồng bộ hiện đại, đáp ứng yêu cầu khắc khe trong quản lý chất lượng và bảo vệ môi trường. Hiện tại nhà máy có 3 line sản xuất thức ăn cá da trơn và cá vảy, đang lắp đặt thêm 1 line hiện đại sản xuất thức ăn cá nhỏ sẽ đưa vào sản xuất từ tháng 7/2017, nâng công suất lên 14.500 tấn/tháng. Bến cảng thủy nội địa, phương tiện vận chuyển nhập xuất hàng năng lực 1.200 tấn/ngày.

* Khó khăn

- Tuy năm 2016 Việt Nam xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 7,1 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2015, riêng cá tra chiếm tỷ trọng gần 24%, đạt 1.700 triệu USD, tăng 7% so với năm 2015, nhưng ngành cá tra phải đối diện với nhiều khó khăn trong nuôi trồng và chế biến xuất khẩu, dự báo những khó khăn 2016 vẫn tiếp tục thách thức chính năm 2017.

- Tình hình biến đổi khí hậu gây ra hạn hán, thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn tiến sâu vào đất liền sẽ tiếp tục có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất thủy sản, nhất là các loài nuôi nước ngọt, tác động không nhỏ đến diện tích và sản lượng nguyên liệu thủy sản nói chung.

- Rào cản kỹ thuật và bảo hộ thương mại từ các thị trường NK; Thuế chống bán phá giá và chương trình thanh tra cá da trơn vẫn là rào cản thương mại và rào cản kỹ thuật lớn cho cá tra Việt Nam tại thị trường Mỹ.

- Giá cá tra lên, xuống thất thường nhất trong 5 năm trở lại đây: Trong năm 2016 và đầu 2017 giá cá tra tại ĐBSCL lên xuống thất thường, thậm chí nhiều thời điểm bị loạn giá. Đặc biệt, tháng 7-8-9/2016, thị trường xuất khẩu giảm, việc tiêu thụ khó khăn, giá cá tra nguyên liệu thấp nhất trong 5 năm gần đây, làm cho người nuôi thu hẹp diện tích nuôi rất nhiều, dẫn đến thiếu cá giống và cá nguyên liệu, từ đầu năm đến nay đây giá cá giống và cá nguyên liệu lên rất cao, ảnh hưởng đến diện tích thả nuôi mới và xuất khẩu.

- Tỷ giá USD tăng mạnh so với VND.

* Thuận lợi:

- Sửa Nghị định 36 về cá tra: Tháng 7/2016, Bộ NN và PTNT đã đề xuất sửa Nghị định 36/2014/NĐ-CP về nuôi, chế biến và xuất khẩu cá tra, trong đó đáng chú ý nhất là việc không quy định về tỷ lệ mạ băng và hàm lượng nước trong sản phẩm cá tra, đồng thời bỏ việc đăng ký hợp đồng xuất khẩu qua Hiệp hội cá tra Việt Nam, tạm thời bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Thị trường Brazil, Mexico và châu Á, đặc biệt Thị trường Trung quốc tăng nhập khẩu cá tra Việt Nam. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep), tổng giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường TQ năm 2016 đạt 304,7 triệu USD, tăng gần gấp 2 lần so với năm 2015.

Do những tác động khách quan nêu trên, ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch kinh doanh của công ty, làm tăng chi phí sản xuất song công ty đã có quyết sách đúng đắn trong chiến lược đầu tư nâng cấp hạ tầng thiết bị dây chuyền sản xuất tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm. Song song tập trung nghiên cứu phát triển dinh dưỡng thức ăn đạt hiệu quả cao, đồng thời phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

Xây dựng chuỗi liên kết giữa công ty với các hộ nuôi cá và công ty chế biến xuất khẩu để ổn định sản xuất, thị trường và giá trị phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Mở rộng quy mô hoạt động nên vẫn giữ được đà tăng trưởng.

Trong năm 2016, giá nguyên liệu sản xuất thức ăn có lúc lên rất cao, nhưng công ty đã chủ động đàm phán và ký hợp đồng dài hạn nên ổn định đầu vào nguyên liệu cho năm 2016 và 2017.

Tích cực xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo. Đến hết năm 2016 nhân sự của công ty 244 người, thu nhập bình quân 6,6 triệu đồng người/tháng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Tổng sản lượng thức ăn bán ra: 140.872 tấn.
- Doanh thu : 2.232.014.660.208 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 47.132.540.400 đồng



Hội nghị khách hàng

6. Các hoạt động đầu tư, liên doanh, liên kết:

Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ y tế Thanh Thy:

Đầu tư góp vốn vào Công ty Thanh Thy để triển khai dự án Trung tâm thương mại dịch vụ tọa lạc khu đô thị Phú Mỹ Hưng - Đại lộ Nguyễn Văn Linh:

- Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ Thanh Thy với tổng diện tích sàn xây dựng trên 16.000 m², là một khu trung tâm thương mại và các dịch vụ. Ngoài ra, còn có khu văn phòng và các hoạt động dịch vụ khác. Hiện nay do gặp vướng mắc trong cấp chuyển quyền sử dụng đất nên vẫn chưa triển khai thi công được.



7. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch của Tập Đoàn:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện	Đạt % Kế hoạch
Doanh thu	2.107.000.000.000	3.048.180.577.670	145%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.900.000.000	140.982.813.349	145%
Vốn Điều lệ	443.753.850.000	443.753.850.000	100
Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)	2.191	3.188	146%

Doanh thu thực hiện năm 2016 đạt 145% so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 145% so với kế hoạch. Sự biến động này là do Hội đồng Quản trị đã có nhiều tâm huyết tất cả vì sự phát triển của Tập đoàn luôn vươn tới đỉnh cao khát vọng, đã thực thi nhiều biện pháp quyết liệt, đưa ra các quyết định về quản lý trong sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp giảm thiểu các rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

*** Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 15/04/2016:**

Việc chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận:

Năm 2016 tuy hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhưng để bù đắp lỗ của những năm trước và đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy thức ăn nên không chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận.

8. Các hoạt động khác:**Chương trình tái cấu trúc và công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo:**

Trong năm 2016 Công ty tiếp tục triển khai chương trình tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức và ngành nghề cho phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế hiện nay và dài hạn.

Năm 2016, Công ty tiếp tục hỗ trợ cho nhân viên tham gia các lớp nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn ngắn hạn và dài hạn

Công tác quảng bá và xây dựng thương hiệu:

- Tiếp tục xây dựng thương hiệu Thức ăn Thủy sản Hoàng Long.
- Đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo, tiếp thị và kêu gọi đầu tư đối với các sản phẩm bất động sản của dự án Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh .

Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội:

- Công ty luôn tạo điều kiện cho các tổ chức Công đoàn, Chi bộ Đảng làm tốt công tác giáo dục cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Bên cạnh đó các tổ chức đoàn thể cũng luôn đồng hành cùng doanh nghiệp thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Trong năm qua Ban Chi ủy đã tập trung lãnh đạo đảng viên, đoàn thể, người lao động thực hiện cuộc vận động học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm mà nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2016 Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và với kết quả đem lại đã cho thấy việc phục hồi tốt của doanh nghiệp. Được sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng Quản trị và sự quan tâm ủng hộ của các cổ đông cùng với sự đồng tâm của tập thể lãnh đạo, công nhân viên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long đã quyết tâm dần dần khắc phục khó khăn và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2016. Với ý chí nỗ lực và quyết tâm đó là rất đáng ghi nhận. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đổi mới tái cấu trúc doanh nghiệp và tiếp tục đầu tư các ngành nghề mang lại hiệu quả cao để tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% so với KH 2016	% Tăng trưởng TH 2016/2015
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.892	2.107	3.048	144,67%	61,04%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	140	96.9	140	145,49%	0,66%
Lợi nhuận trên cổ phiếu (vnd)	3.167	2.191	3.188	144,55%	0,66%

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2016:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.882.288.980.111	1.710.933.226.654	(9,1)%
Doanh thu thuần	1.892.865.438.938	3.048.180.577.670	61,04%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	119.130.669.691	165.758.893.137	39,14%
Lợi nhuận khác	1.171.330.883	1.994.108.479	70,24%

Lợi nhuận trước thuế	120.302.000.574	167.753.001.616	39,44%
Lợi nhuận sau thuế	140.057.716.362	140.982.813.349	0,66%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn :			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,1 lần	1,7 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
(TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,1 lần	1,6 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,8%	0,7%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,1%	2,4%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho :			
(Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	11,1	(302,4)	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1%	1,8%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,0740)%	(0,0463)%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,3814)%	(0,2779)%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,744)%	(0,0824)%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,0629)%	(0,0544)%	

- Tổng số cổ phiếu đến ngày 31/12/2016: 44.225.385 cổ phiếu thường, không cổ phiếu ưu đãi.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành đến 31/12/2016 : 44.225.385 cổ phiếu.
- Công ty đang giữ 150.000 cổ phiếu quỹ.
- Cổ tức trong năm 2016 không chi vì để bù đắp lỗ của những năm trước và đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy thức ăn Thủy sản MeKong

1. Định hướng phát triển trong năm 2017:

- Kinh tế thế giới Năm 2017 dự đoán là đang có dấu hiệu phục hồi nhưng sẽ biến động đầy bất ngờ, Dự báo giá dầu và nông sản sẽ tăng hơn năm 2016, khả năng điều chỉnh chính sách của chính quyền mới tại Mỹ được dự báo là đầu tàu tăng trưởng thế giới cũng tạo ra nhiều rủi ro thách thức cho chính nước Mỹ và nền kinh tế thế giới. Sự cạnh tranh thương mại ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế toàn cầu.
- Việt Nam với những khó khăn 2016 có thể sẽ tiếp tục diễn ra năm 2017 tuy nhiên chính phủ quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7%. Giá dầu và một số hàng hóa phục vụ sản xuất dự báo sẽ tăng, lạm phát được kiểm chế, tình hình xuất nhập khẩu dự báo còn gặp nhiều khó khăn
- Trong bối cảnh khó khăn chung, để có thể vượt qua, trụ vững và tiếp tục phát triển Ban lãnh đạo công ty phải vận hành doanh nghiệp thật năng động, phù hợp với tình hình thực tế đã và đang diễn ra, sẽ tập trung mọi nguồn lực nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí tối đa nhằm mang lại kết quả như mong đợi. Mặt khác, công ty sẽ mạnh dạn tiến hành liên doanh, liên kết với các đối tác để tạo thêm nguồn lực mạnh về tài chính giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn tạo đà phát triển năm 2017 và những năm tiếp theo.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ năm 2017:

Tổ chức mô hình quản lý sản xuất kinh doanh hiệu quả, ổn định, lâu dài. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập Quốc tế.

Xây dựng nguồn nhân lực ổn định, có năng lực và tâm huyết; Ổn định và nâng cao đời sống người lao động; Phát triển văn hóa doanh nghiệp; Tăng cường đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận trong lãnh đạo và công nhân viên vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Tăng cường công tác quản trị tài chính chuẩn mực.

Tiếp tục Tái cấu trúc doanh nghiệp và cơ cấu ngành nghề phù hợp với xu thế đổi mới và tiềm lực phát triển.

Tập trung đầu tư có chiều sâu các ngành nghề hiện tại để hoàn thiện hơn, củng cố và phát triển nội lực của các đơn vị Công ty thành viên, không ngừng cải tiến và áp dụng các giải pháp sáng tạo góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các lĩnh vực trong năm 2017:

1- Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ:

Công ty sẽ tiếp tục kinh doanh bất động sản và nguyên liệu, thức ăn chế biến thủy sản:

Doanh thu dự kiến : 614 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế : 65 tỷ đồng

2- Hoạt động kinh doanh nguyên liệu, hương liệu và thuốc lá điều của Công Ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long:

- Tổng sản lượng tiêu thụ thuốc lá gói năm 2017 dự kiến là 5 triệu gói/năm. Doanh thu đạt 28,6 tỷ đồng.

- Số lượng hương liệu tiêu thụ năm 2017 dự kiến đạt 1.935lít hương + 4.029 lít nước xử lý . Doanh thu dự kiến là 350 triệu đồng.

- Vận chuyển : Dự kiến doanh thu là 50 triệu đồng.

- Nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản : Doanh thu dự kiến 91 tỷ đồng.

Như vậy tổng doanh thu : 120.00 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế là : 0.5 tỷ đồng

3-Hoạt động vận tải hành khách taxi:

Năm 2017 được dự báo là năm còn tiếp tục biến động và khó khăn đối với vận tải hành khách taxi. Bên cạnh đó các chi phí đầu vào tăng hàng loạt, mức lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến mức đóng BHXH, y tế tăng lên. Các chi phí phát sinh mới như phí đường bộ, phí chuyển nhượng quyền khai thác tại sân bay và bến bãi tăng cao. Taxi Hoàng Long xác định việc tăng trưởng đầu xe để phát triển là khó khả thi. Trong tình hình này, Taxi Hoàng Long cố gắng ổn định hoạt động, duy trì được số lượng xe mới đầu tư, thu hút lái xe để đảm bảo xe ra kinh doanh. Tinh giảm bộ máy và giảm các loại chi phí có thể, đảm bảo doanh thu đủ bù đắp chi phí để doanh nghiệp tồn tại trong tình hình biến động ngành nghề đang diễn ra.

Nhằm duy trì sự ổn định trên thị trường Taxi Thành phố Hồ Chí Minh cũng như đạt mức độ hài lòng cao nhất từ phía khách hàng, có sức thu hút và tuyển dụng tăng lái xe trong thời gian tới, trước mắt trong năm 2017 công ty sẽ đầu tư 20 xe mới, thực hiện thanh lý 55 xe Kia Morning

Triển khai thêm hình thức khoán doanh thu trên các dòng xe còn lại để thu hút và giữ lái xe. Tiếp tục rà soát giảm các điểm không hiệu quả, tập trung giữ các điểm trọng yếu tập trung theo địa bàn đã xác định. Giảm tối đa chi phí điểm tiếp thị, phù hợp với qui mô xe hoạt động.

Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy quản lý, có lộ trình cắt giảm nhân sự tinh gọn khi chuyên dần từ cơ chế hoạt động thu doanh thu theo tỷ lệ doanh thu qua hình thức thu tiền khoán.

Do định hướng phát triển năm 2017 sẽ thực hiện thanh lý phương tiện cũ, nên phương tiện của Công ty đa số là phương tiện mới, Bộ phận Quản lý Kỹ thuật và xưởng sửa chữa phải được tái cấu trúc mạnh mẽ để giảm chi phí hoạt động sửa chữa. Toàn bộ phận này sẽ thực hiện khoán phù hợp với tỷ lệ chi phí bảo dưỡng sửa chữa, không để hoạt động của cả bộ máy xưởng một cách lãng phí. Các sửa chữa lớn có thể sử dụng bên ngoài gia công sửa chữa.

Tiếp tục củng cố và xây dựng văn hóa doanh nghiệp đặc biệt chú trọng đào tạo bồi dưỡng đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, lịch sự, tận tâm và nhất là trung thực tạo niềm tin với khách hàng về chất lượng dịch vụ đảm bảo lái xe an toàn

Kế hoạch doanh thu năm 2017 : 36 tỷ đồng

4- Hoạt động Kinh doanh bất động sản; Cấp nước:

4.1 Lĩnh vực cấp nước:

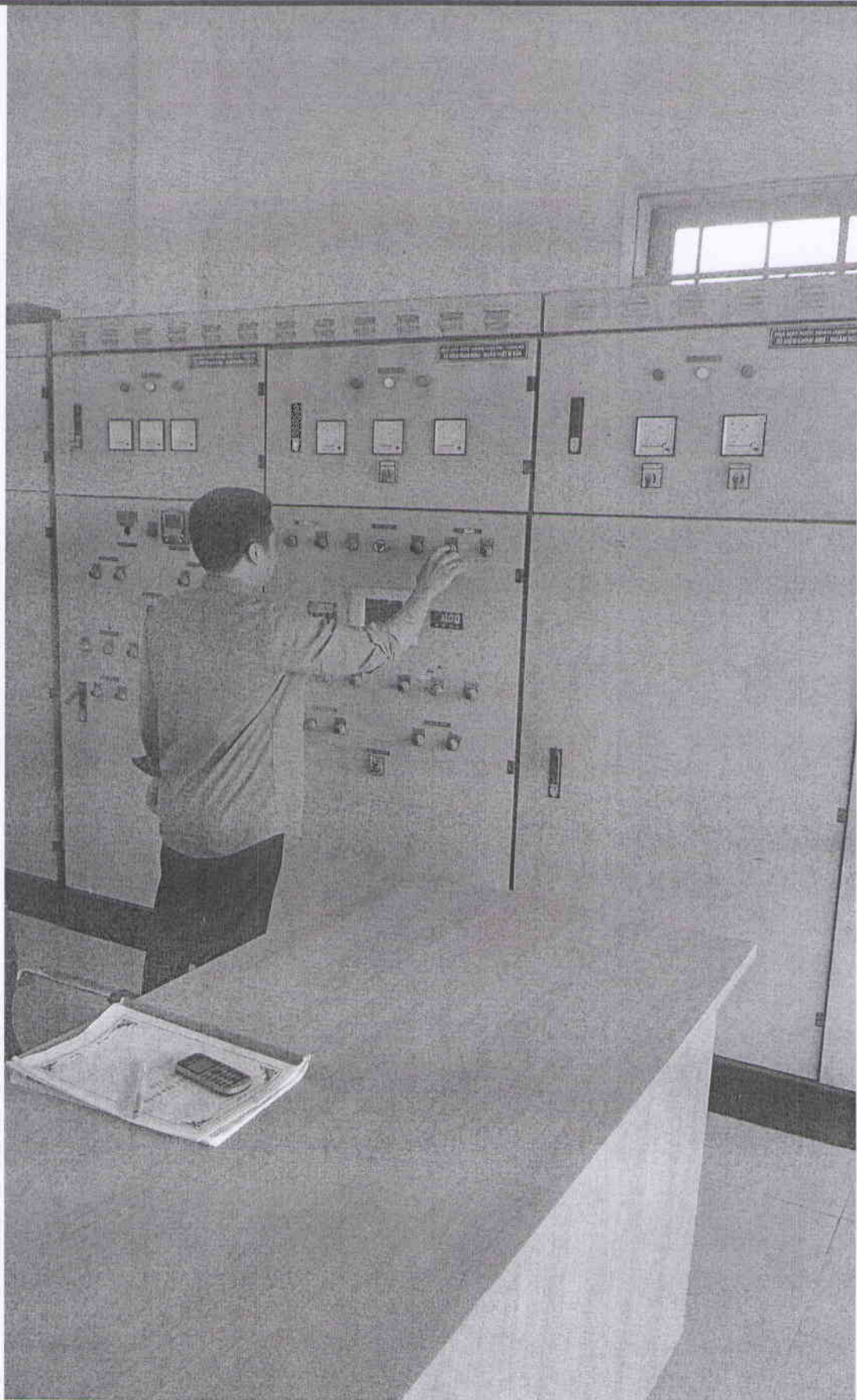
- Doanh thu: 9.345.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 100.000.000 đồng

Trong năm 2017 dự kiến tổng khối lượng nước cung cấp: 1.400.000 m³

4.2. Lĩnh vực kinh doanh cho thuê kho:

- Doanh thu kế hoạch: 655.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 400.000.000 đồng

Công Ty TNHH MTV ĐTPT Hạ Tầng HL	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
1- Hoạt động cấp nước	9.345.000.000	100.000.000
2- Hoạt động kinh doanh hạ tầng	655.000.000	400.000.000
CỘNG	10.000.000.000	500.000.000



Nhân viên đang kiểm tra Hệ thống điều khiển nhà máy Nước

5. Hoạt động kinh doanh thức ăn thủy sản:

- Phát huy chiến lược phát triển năm 2016, năm nay công ty tiếp tục đầu tư thêm line sản xuất thức ăn cá nhỏ, nhằm đa dạng loại thức ăn đáp ứng nhu cầu thị trường. Ngoài ra công ty đầu tư thêm lò hơi tầng sôi đốt trấu ròi, thay thế cho lò cũ chi phí nhiên liệu cao, góp phần làm giảm chi phí sản xuất.

- Về sản phẩm: Hiện tại công ty đã phát triển thành công các loại thức ăn cá lóc, cá thác lác cườm,... đạt hiệu quả cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

- Về thị trường: Công ty đang mở rộng các thị trường chính: Đồng Tháp, An Giang, Trà Vinh, Hậu Giang cho thức ăn cá vảy, nâng tỷ trọng thức ăn cá vảy nhằm giảm bớt rủi ro phụ thuộc vào cá tra.

- Tiếp tục xây dựng doanh nghiệp có môi trường lao động an toàn, xanh sạch, năng động,...

Duy trì và phát triển các chứng nhận cao nhất trong ngành thức ăn chăn nuôi thủy sản như: BAP, Global G.A.P,...

Kế hoạch sản xuất kinh doanh Năm 2017:

- Tổng sản lượng thức ăn bán ra: 161.900 tấn.
- Tổng doanh thu: 1.720 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 40 tỷ đồng





6. Hoạt động đầu tư, liên doanh, liên kết:

Tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy để triển khai dự án Trung tâm thương mại và dịch vụ, hoàn tất các thủ tục về đất đai để có thể bắt đầu xây dựng năm 2017.

7. Hoạt động tài chính:

Hoạch định nguồn vốn trong năm 2017:

Nguồn vốn sử dụng cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong năm 2017:

- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng.
- Vốn từ hoạt động thanh lý tài sản.
- Vốn hợp tác đầu tư từ các đối tác.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Nội dung	Chỉ tiêu năm 2017
Vốn điều lệ	443,7 tỷ đồng
Doanh thu hợp nhất	2.500 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	106 tỷ đồng
Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)	2.397 đồng

8. Phân chia lợi nhuận:

· Trả cổ tức tối thiểu 12%/năm bằng tiền mặt.

9. Công tác quản lý tài chính:

Năm 2017 sẽ tập trung triển khai các biện pháp quản lý tài chính sau đây:

- Có kế hoạch sử dụng nguồn tài chính, tài sản cố định và nhu cầu nhân công trong tương lai nhằm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, các giải pháp về nghiệp vụ kế toán và tài chính giúp doanh nghiệp theo dõi và phân tích thông tin kịp thời từ đó quản lý hiệu quả hơn, các khoản phải thu và phải trả, hàng tồn kho, quy trình bán và mua hàng, tài sản cố định...

- Nâng cao kiến thức quản lý và kỹ năng nghiệp vụ về tài chính - kế toán cho các đơn vị thành viên trong toàn Tập đoàn thông qua các chương trình đào tạo và các lớp tập huấn thường xuyên.

- Tiếp tục thực hiện và chấp hành đúng các quy định về công tác tài chính kế toán của Bộ Tài chính và quy chế quản lý tài chính của công ty; xây dựng tiêu chuẩn đội ngũ kế thừa có năng lực và đạo đức để tham gia phát triển Tập đoàn.

- Tập trung thu hồi vốn, đối chiếu công nợ để đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác.

- Đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu về tài chính cho các mặt hoạt động khác. Cung cấp thông tin và báo cáo kịp thời cho lãnh đạo để phối hợp chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Tiếp tục phát huy công tác báo cáo kịp thời, đặc biệt đảm bảo thời gian công bố thông tin của doanh nghiệp niêm yết.

* Các công ty có liên quan:

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Tập đoàn Hoàng Long: không có**Các công ty có trên 50% vốn cổ phần do Tập đoàn Hoàng Long nắm giữ:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, tòa nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, TT Bến Lức, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường - Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

Các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Thanh Thy	30%	30%	132,600,000,000

10. Công tác thị trường và quảng cáo thương hiệu:

- Đối với thị trường trong nước, sẽ có chính sách marketing phù hợp cho từng loại sản phẩm như sau:

+ Tiếp tục xây dựng thương hiệu sản phẩm thức ăn Hoàng Long

+ Đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo, tiếp thị và kêu gọi đầu tư đối với các sản phẩm bất động sản của dự án Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh thông qua sàn giao dịch bất động sản Hoàng Long Land cũng như các sàn giao dịch khác và các hiệp hội Việt kiều, các tổ chức đầu tư nước ngoài...

11. Công tác chính sách và từ thiện xã hội:

Về công tác từ thiện – xã hội:

- Năm 2017 tiếp tục phát huy các chương trình từ thiện xã hội như: quỹ ủng hộ người nghèo, xây dựng nhà mái ấm tình thương, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ mô tim cho các em bị bệnh tim bẩm sinh, quỹ khuyến học...

- Cho phép Hội Đồng Quản Trị được sử dụng 20% quỹ phúc lợi để làm hoạt động từ thiện xã hội.

12. Chương trình tái cấu trúc và công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo:

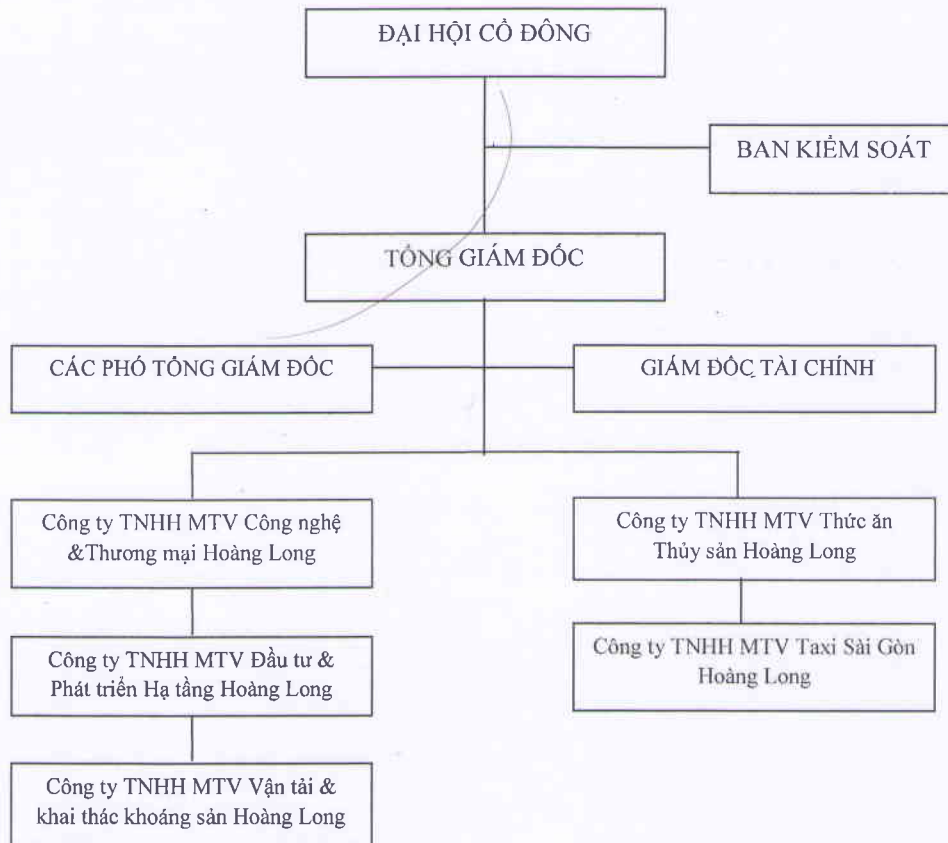
Năm 2017, giao cho Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long tiếp tục triển khai chương trình tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức và ngành nghề cho phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay và định hướng phát triển dài hạn. Công ty sẽ mạnh dạn thu hẹp hoặc sắp xếp lại những đơn vị hoạt động kinh doanh không hiệu quả và không có tiềm năng phát triển trong tương lai.

Về công tác nhân sự, sẽ tập trung xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có năng lực và phẩm chất phù hợp với ngành nghề và quy mô phát triển của Tập đoàn. Áp dụng các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài cũng như tổ chức, sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn, hợp lý, hiệu quả và nhất là công tác điều phối nhân sự phù hợp với đặc thù, quy mô của từng lĩnh vực, từng đơn vị, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các thành viên phát huy hết khả năng nhằm xây dựng một hệ thống nguồn nhân lực thật sự mạnh, đáp ứng được yêu cầu phát triển của Tập đoàn.

Đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ lãnh đạo chuyên nghiệp bên cạnh việc xây dựng các hệ thống, công cụ hỗ trợ công tác quản lý; đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động hiện tại và tái đào tạo đối với lực lượng tuyển dụng mới.

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

13. Cơ cấu tổ chức của Công ty:



Giới thiệu Ban Quản trị Công ty

Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch HĐQT
Năm sinh	1956
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Đại học An ninh
Kinh nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> + 1971-1975: công tác tại An ninh khu B + 1976-1985: công tác tại Công an tỉnh Đồng Tháp + 1986-1987: Phó giám đốc XN Thuốc lá Hồng Ngự + 1988-1992: Giám đốc Công ty Dịch vụ Đầu tư Công Nông nghiệp, Long An + 1992-1999: Giám đốc Công ty TNHH Ngọc Ánh,

	<p>Long An</p> <p>+ 1999-02/2007: Tổng giám đốc Công ty TNHH XNK TM & XD Hoàng Long</p> <p>+ 03/2007 – 3/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long</p> <p>+ Từ 3/2014 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long</p>
--	--

Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Năm sinh	1972
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	<p>+ Từ 1995 – 1999: Công Ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng số 8</p> <p>+ Từ 2000 – 2005: Công Ty Quản Lý và Phát Triển Nhà Quận 2</p> <p>+ Từ 2005 – 2008: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thái Bình Dương</p> <p>+ Từ 2008 – 2012: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Mai Linh</p> <p>+ Từ 2012 đến nay công tác tại Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long</p>
Bà Lê Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám Đốc
Năm sinh	1964
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	
Kinh nghiệm	+ Từ tháng 27/10/1999 đến nay công tác tại Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long

Bà Phạm Thuý An	Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh	1985

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	+ 2010 - 2011: Giám đốc Công Ty TNHH TM An Thịnh. + 2012 đến nay : Phó Chủ Tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long, Phó Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long.
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh	10/10/1956
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Sĩ quan An Ninh, Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	+ 1974 – 1999: Công tác trong ngành an ninh Bộ Công An + 1999 – 2011: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Mai Linh + 2012 đến nay: Công Ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính
Năm sinh	1958
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kế toán tài chính
Kinh nghiệm	+ 1980 – 1983: Ngân hàng Nhà Nước tỉnh Long An + 1983 – 2005: Công ty Dệt Long An. + 2005 đến nay: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long, chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài chính kiêm kế toán trưởng.

14. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

		Năm 2016	
			Tỷ lệ %
Số lượng nhân viên trực tiếp		610	
Mức lương bình quân		6,917,547	
Phân theo Giới tính			
Nam (người)		515	84.43%
Nữ (người)		95	15.57%
Phân theo trình độ chuyên môn			
Đại học & trên ĐH		65	10.66%
Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp		115	18.85%
Lao động phổ thông		430	70.49%

Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức chính trị xã hội hoạt động tốt. Tiếp tục củng cố, phát huy vai trò của các tổ chức Công đoàn, chi bộ Đảng trong định hướng phát triển của doanh nghiệp; nâng cao mối quan hệ giữa các tổ chức này với lãnh đạo doanh nghiệp và các bộ phận trong doanh nghiệp; góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp; chung tay chăm lo đời sống, công việc ổn định lâu dài cho người lao động.

15. Chế độ làm việc & môi trường làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần và 8 giờ/ ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đơn vị có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho hợp lý hoặc làm thêm giờ nhưng phải đảm bảo số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do Công ty quy định.

Công ty thực hiện chính sách nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản... theo quy định của Bộ Lao động.

Nhằm đảm bảo hiệu suất làm việc của nhân viên, Công ty quy định văn phòng làm việc, nhà xưởng phải khang trang, thoáng mát để tạo điều kiện môi trường làm việc thoải mái và tiện nghi cho toàn nhân viên trong Công ty. Đối với các lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chế độ lương thưởng:

Hệ thống lương của Công ty được thực hiện phân phối theo lao động. Tiền lương phụ thuộc vào kết quả lao động cuối cùng của từng người, từng bộ phận. Những người thực hiện các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, có kinh nghiệm và kỹ năng quản lý, đóng góp nhiều vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty thì được trả lương cao.

Mục tiêu của chính sách tiền lương nhằm thiết lập một cơ chế trả lương công bằng, minh bạch và có tính cạnh tranh, đảm bảo thu hút, duy trì những nhân viên giỏi, kích thích động viên tích cực trong công việc của từng vị trí tác nghiệp.

Mức lương cơ bản tối thiểu cho người lao động là: 3.552.400đ/tháng/người, mức lương cơ bản tối đa là 40.000.000đ/tháng/người và được phân loại theo chức danh. Bậc lương cơ bản sẽ thay đổi theo nhu cầu phát triển của Công ty và khả năng thực tế cống hiến của người lao động. Trích nộp Bảo hiểm Xã hội đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty có chính sách thưởng phạt rõ ràng được thực hiện theo quy định của bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Hiện nay, Hoàng Long đã có những tổ chức Đoàn thể như: Chi bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn cơ sở. Thông qua những tổ chức Đoàn thể trên, công nhân viên của Hoàng Long có thể đưa ra những ý kiến đóng góp về những chính sách, chế độ đãi ngộ cũng như những đóng góp cho sự phát triển bền vững của Hoàng Long.

Chính sách đào tạo, tuyển dụng:

Nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển cũng như xây dựng lộ trình hội nhập của doanh nghiệp. Tập đoàn Hoàng Long đã từng bước củng cố công tác tổ chức nhân sự và hệ thống quản trị doanh nghiệp theo tính chuyên nghiệp có trình độ đẳng cấp trong các lĩnh vực hoạt động SXKD. Công ty đã mạnh dạn đầu tư trang thiết bị, tái cấu trúc lại bộ máy và các lĩnh vực ngành nghề phù hợp với loại hình doanh nghiệp cổ phần đại chúng.

- Năm 2017 Công ty tiếp tục hỗ trợ cho nhân viên tham gia các lớp nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn ngắn hạn và dài hạn như các khóa đào tạo Giám đốc điều hành (CEO) và Giám đốc tài chính (CFO), tin học và nghiệp vụ văn phòng.

VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Phạm Phúc Toại	Chủ tịch	14/04/2017		11.133.197	25,17

Phạm Thúy An	Phó Chủ tịch	14/04/2017		1.207.500	2,73
Đặng Hoàng Phương	Thành viên	14/04/2017		69.520	0,16
Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	14/04/2017		32.000	0,07
Nguyễn Quốc Đạo	Thành viên	14/04/2017			

Thu nhập (lương) của Hội đồng quản trị : 2.804.000.000 đồng

Ban kiểm soát

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Lê Thị Ngọc Điền	Trưởng ban	14/04/2017		1.220	0,002
Đặng Thị Kim Nguyệt	Thành viên	14/04/2017			
Trần Ngọc Yến	Thành viên	14/04/2017			

Thu nhập (lương) của Ban kiểm soát : 276.000.000 đồng.

Ban Tổng Giám đốc:

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Nguyễn Quốc Đạo	Tổng GĐ	16/01/2014			
Lê Ngọc Ánh	Phó TGD	06/07/2015		15.417.675	
Phạm Thúy An	Phó TGD	02/08/2012		1.207.500	2,72
Trần Đình Tồn	Phó TGD	01/03/2013			
Nguyễn Thị Trúc	GĐ Tài chính	01/07/2010		2.550	0,001

Thu nhập (lương) của Ban Tổng Giám đốc : 2.117.000.000 đồng.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 15 tháng 03 năm 2017:

	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
I> Cổ phiếu đang lưu hành	44.035.465	99,24	189.920	0,42	44.225.385	99,66
1. Cổ đông đặc biệt	27.887.887	62,85			27.887.887	62,85
- Hội đồng quản trị	12.464.657	28,09			12.464.657	28,09
- Ban giám đốc	15.420.225	34,75			15.420.225	34,75
- Ban kiểm soát	3.005	0,01			3.005	0,01
2. Cổ đông trong Công ty	9.279.055	20,91			9.279.055	20,91
- Cán bộ công nhân viên	9.279.055	20,91			9.279.055	20,91
3. Cổ đông ngoài Công ty	6.868.523	15,48	189.920	0,42	7.058.443	15,90
- Cổ đông cá nhân	6.762.429	15,24	32.395	0,07	6.794.824	15,31
- Cổ đông tổ chức	106.094	0,24	157.525	0,35	263.619	0,59
II> Cổ phiếu quỹ	150.000	0,34			150.000	0,34
Tổng cộng	44.185.465	99,58	189.920	0,42	44.375.385	100

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Kính thưa Quý Cổ đông!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long, tôi xin trân trọng gửi đến Quý cổ đông, các khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước cùng toàn thể công nhân viên lời chúc sức khỏe và lòng biết ơn sâu sắc về sự tin tưởng hỗ trợ của quý vị đã dành cho Hoàng Long trong những năm qua.



Trong bối cảnh kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn đang gặp nhiều khó khăn. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long cần nỗ lực nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Công ty sẽ tận dụng cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư mang đến những giá trị tốt đẹp cho đối tác và khách hàng, góp phần xây dựng thị trường thủy sản và bất động sản ngày càng phát triển lành mạnh. Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, đặc biệt quan tâm đến chất lượng con người. Quyết tâm tăng năng suất lao động, ổn định chất lượng, lấy chất lượng làm nền tảng xây dựng thương hiệu.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Tôi tha thiết kêu gọi toàn thể công nhân viên, người lao động hãy nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng nhau xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và linh hoạt, mỗi cá nhân luôn phát huy tốt năng lực bản thân, chia sẻ những khó khăn với đồng nghiệp quyết tâm thực hiện mục tiêu chung của Công ty. Chính sức

mạnh của mỗi thành viên là nguồn sức mạnh, động lực dẫn đến thành công và phát triển của Doanh nghiệp.

Một lần nữa cho phép tôi thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long xin bày tỏ lòng biết ơn tới các đối tác, các nhà cung cấp trong và ngoài nước. Chúng tôi mong nhận được sự đồng thuận và hỗ trợ nhiệt tình của Quý cổ đông để chúng ta có thể vững bước trên con đường thực hiện mục tiêu của mình

Xin kính chúc Quý cổ đông cùng gia quyến sức khỏe và an khang thịnh vượng ./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM PHÚC TOẠI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-51

10011
CỔ
HÀCH NH
HÀNG I
A
HÀNG K

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thúy An	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Huỳnh Quang Tuấn	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán DTL. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ đối với khoản nợ phải thu của Công ty TNHH Thương mại An Thịnh và chưa thu thập đầy đủ hồ sơ khoản phải thu lãi cho ông Lê Quang Vinh và ông Phạm Văn Nhơn cùng khoản phải trả lãi cho vay Ngân hàng TMCP Việt Á (với cùng số tiền là 42.513.643.027 đồng) trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/03/2016. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản công nợ với Công ty TNHH Thương mại An Thịnh đã được thu hồi và các khoản phải thu lãi cho vay và phải trả lãi vay nêu trên đã có hồ sơ đầy đủ nên vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-13-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.080.085.287.723	1.178.605.184.993
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.224.494.878	6.874.424.479
111	1. Tiền		5.224.494.878	6.874.424.479
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	29.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		29.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		976.100.442.351	1.119.343.163.381
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	448.134.199.255	683.009.651.216
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	57.702.563.898	33.186.969.736
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	384.749.670.474	229.895.040.512
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	110.502.997.902	197.779.189.594
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(24.989.345.778)	(24.527.687.677)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		356.600	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	65.275.670.094	46.739.190.400
141	1. Hàng tồn kho		65.637.575.523	47.253.855.864
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(361.905.429)	(514.665.464)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.484.680.400	5.648.406.733
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.328.624.495	4.440.496.856
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		711.126.514	705.469.486
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	444.929.391	502.440.391

1117
ÔNG
NHIỆM
3 KIỂM
IAS
KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		630.847.938.931	703.683.795.118
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		83.564.294.705	82.363.239.705
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	80.000.000.000	80.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	3.564.294.705	2.363.239.705
220	II. Tài sản cố định		306.004.373.647	309.565.720.078
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	252.128.146.947	268.079.635.857
222	- Nguyên giá		321.802.484.069	347.612.512.350
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.674.337.122)	(79.532.876.493)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	51.632.418.188	39.186.413.261
225	- Nguyên giá		61.933.181.824	43.757.863.637
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.300.763.636)	(4.571.450.376)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	2.243.808.512	2.299.670.960
228	- Nguyên giá		2.793.122.628	2.793.122.628
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(549.314.116)	(493.451.668)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	748.322.933	21.658.176.489
231	- Nguyên giá		3.501.522.110	26.420.882.816
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.753.199.177)	(4.762.706.327)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	16	70.318.553.981	96.618.586.759
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		69.413.060.520	91.307.764.502
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		905.493.461	5.310.822.257
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	132.107.364.128	132.119.872.432
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		132.107.364.128	132.119.872.432
260	VI. Tài sản dài hạn khác		38.105.029.537	61.358.199.655
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.462.968.533	6.250.378.819
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.a	31.642.061.004	55.107.820.836
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.710.933.226.654	1.882.288.980.111

05 - C
TY
HỮU HẠN
TOÁN
C
TP. HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.203.558.810.955	1.515.088.995.928
310	I. Nợ ngắn hạn		653.251.320.966	889.784.097.793
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	185.725.811.356	186.839.380.145
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	20.319.637.471	22.582.484.237
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.997.962.221	4.757.531.129
314	4. Phải trả người lao động		5.609.404.740	6.146.997.139
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.878.712.408	2.766.814.391
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		170.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	85.735.893.000	233.127.334.286
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	332.727.867.131	417.432.248.827
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.086.032.639	16.131.307.639
330	II. Nợ dài hạn		550.307.489.989	625.304.898.135
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	18	7.851.274.545	8.519.074.545
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	20	17.231.895.670	18.513.790.507
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		2.219.444.553	2.219.444.553
337	4. Phải trả dài hạn khác	21	1.275.291.984	1.667.999.935
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	521.729.583.237	594.384.588.595
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		507.374.415.699	367.199.984.183
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	507.374.415.699	367.199.984.183
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		443.753.850.000	443.753.850.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		443.753.850.000	443.753.850.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		36.479.743.076	36.479.743.076
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.640.822.623	(105.533.608.893)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(105.533.608.893)	(245.591.325.255)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		140.174.431.516	140.057.716.362
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.710.933.226.654	1.882.288.980.111

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	3.056.437.425.077	1.900.130.492.727
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	8.256.847.407	7.265.053.789
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.048.180.577.670	1.892.865.438.938
11	4. Giá vốn hàng bán	27	2.803.045.889.586	1.786.277.527.034
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		245.134.688.084	106.587.911.904
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	70.242.951.693	166.364.032.475
22	7. Chi phí tài chính	29	110.043.681.938	89.887.935.762
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		101.728.768.466	62.358.779.615
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(12.508.305)	(10.468.552)
25	9. Chi phí bán hàng	30	13.780.055.458	29.309.536.451
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	25.782.500.939	34.613.333.923
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		165.758.893.137	119.130.669.691
31	12. Thu nhập khác	32	3.213.777.558	2.084.339.016
32	13. Chi phí khác	33	1.219.669.079	913.008.133
40	14. Lợi nhuận khác		1.994.108.479	1.171.330.883
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		167.753.001.616	120.302.000.574
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	3.331.221.718	2.098.343.727
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.b	23.438.966.549	(20.847.413.395)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>140.982.813.349</u>	<u>139.051.070.242</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		140.982.813.349	140.057.716.362
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	(1.006.646.120)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	3.188	3.167

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Khả Hân



Nguyễn Thị Trúc



Nguyễn Quốc Đạo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		167.753.001.616	120.302.000.574
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.891.564.941	34.320.059.653
03	- Các khoản dự phòng		308.898.066	4.991.616.342
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.344.088.590	955.815.198
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(69.207.022.600)	(164.700.495.194)
06	- Chi phí lãi vay		101.728.768.466	62.358.779.615
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		231.819.299.079	58.227.776.188
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		285.015.456.188	(446.439.195.251)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.510.984.323	321.804.851.706
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(62.265.008.860)	53.893.202.091
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		899.282.647	2.103.493.047
14	- Tiền lãi vay đã trả		(158.607.026.245)	(29.762.215.947)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.476.881.642)	(348.444.585)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		48.136.213	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.035.256.357)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		293.908.985.346	(40.520.532.751)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.830.689.046)	(17.885.479.621)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		20.500.000.000	10.827.272.716
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(396.383.061.109)	(274.135.935.762)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		212.528.431.147	397.009.457.214
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(37.960.000.000)	(67.052.792.284)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.210.000.000	68.133.552.685
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40.131.541.624	41.055.923
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(127.803.777.384)	116.937.130.871
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		931.485.880.087	817.251.499.343
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.081.311.834.589)	(888.065.518.702)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(17.936.664.791)	(7.319.249.096)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(167.762.619.293)	(78.133.268.455)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.657.411.331)	(1.716.670.335)

0111
CÔNG
H NHIỆM
G KIỂM
AAS
KIỂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.874.424.479	8.586.385.761
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.481.730	4.709.053
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>5.224.494.878</u>	<u>6.874.424.479</u>

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập

Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

05 -
TY
HỮU H
A TOA
SC
- TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 443.753.850.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 443.753.850.000 đồng; tương đương 44.375.385 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất; Khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Bán buôn thực phẩm, nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa);
- Thoát nước và xử lý nước thải; Thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh phân bón các loại.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thức ăn thủy sản, mì lát và khô dầu đậu tương nên doanh thu trong năm 2016 tăng mạnh so với năm trước. Giá bán các mặt hàng cũng có chuyển biến tăng làm cho tỷ lệ lãi gộp tăng cao so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	Tỉnh Long An	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng sản Hoàng Long	Tỉnh Long An	100,00%	100,00%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	Tỉnh Long An	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	Tỉnh Đồng Tháp	100,00%	100,00%	Sản xuất thức ăn thủy sản

- Công ty có công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Kinh doanh xây dựng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

- Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09	năm
- Tài sản cố định khác	03	năm
- Quyền sử dụng đất	50	năm

05 -
TY
HỮU H
M TOA
3C
TP. H

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|----------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 20 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không thời hạn |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong Cuối kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí sản xuất trích trước, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Cuối kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

1110
NG T
HIỆM H
KIỂM M
AS
TÉM -

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các Doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	725.897.379	755.357.249
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.498.597.499	6.119.067.230
	5.224.494.878	6.874.424.479

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-
	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-

(*) Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2016 như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn 8 tháng tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Tháp số tiền 3.450.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Tháp số tiền 25.550.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm.

5-C
 TY
 JUH
 TOA
 C
 TP. H
 H

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
				VND	VND			VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	132.107.364.128	Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	132.119.872.432
				<u>132.107.364.128</u>				<u>132.119.872.432</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 42.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	11.981.382.907	193.670.462.716
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	130.879.937.385	226.988.961.242
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	156.407.851.964	89.570.586.510
- Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu CADOVIMEX II	21.892.723.715	41.846.285.370
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	-	29.575.540.083
- Công ty TNHH Hoàn Cầu Đồng Tháp	22.167.932.700	4.982.533.600
- Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
- Công ty Cổ phần Bao bì Gia Phát	8.317.009.108	-
- Công ty Cổ phần Indeco	4.022.418.313	4.322.418.313
- Các khoản phải thu khách hàng khác	83.608.218.163	83.196.138.382
	<u>448.134.199.255</u>	<u>683.009.651.216</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	<u>330.018.620.971</u>	<u>590.508.560.921</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công Ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	23.457.279.163	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	15.919.346.581	-	-	-
Công ty TNHH Bách khoa Á Châu	5.722.050.000	-	-	-
Muyang Holdings Co., LTD	5.047.425.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	-	-	27.584.178.000	-
Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	2.245.000.000	-	195.000.000	-
Các đối tượng khác	5.311.463.154	(368.272.994)	5.407.791.736	(113.186.994)
	57.702.563.898	(368.272.994)	33.186.969.736	(113.186.994)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Phải thu ngắn hạn tiền cho mượn	37.355.070.417	77.636.424.755
+ Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại-Dịch vụ Tấn Điền ⁽¹⁾	779.953.744	779.953.744
+ Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	914.750.804	15.585.406.239
+ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy ⁽¹⁾	542.000.000	542.000.000
+ Ông Mai Tiến Dũng ⁽¹⁾	150.000.000	150.000.000
+ Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	-	17.717.277.361
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	34.968.365.869	42.861.787.411
- Phải thu tiền cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long vay ⁽²⁾	347.394.600.057	151.958.615.757
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	-	300.000.000
	384.749.670.474	229.895.040.512
Dài hạn		
- Phải thu tiền cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long vay ⁽³⁾	80.000.000.000	80.000.000.000
	80.000.000.000	80.000.000.000

(1) Các khoản cho mượn này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (tỷ lệ dự phòng 100%).

(2) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016, lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2016 là 8%/năm. Khoản vay này được cho vay tới khi có thông báo hoàn trả của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long.

(3) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay dài hạn tại ngày 31/12/2016 là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016, lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2016 là 8%/năm; Thời hạn cho vay đến hết ngày 31/12/2018.



8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu bà Lê Tuyết Hồng - tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	45.210.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	86.921.914.925	-	53.635.507.400	-
+ Tiền lãi cho vay	42.183.174.274	-	15.282.828.549	-
+ Lợi nhuận	17.716.678.851	-	17.716.678.851	-
+ Tiền thi công công trình	-	-	20.000.000.000	-
+ Thanh toán hộ tiền hàng	27.022.061.800	-	636.000.000	-
- Phải thu tiền lãi cho các cá nhân vay	10.134.199.027	-	42.513.643.027	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu CADOVIMEX II	6.304.018.668	-	40.943.133.909	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	-	-	2.144.630.000	-
- Tạm ứng	3.132.588.651	(315.469.000)	3.148.256.993	(215.469.000)
- Ký cược, ký quỹ	265.337.316	-	309.351.816	-
- Phải thu khác	3.744.939.315	(1.427.142.598)	9.874.666.449	(1.400.695.030)
	110.502.997.902	(1.742.611.598)	197.779.189.594	(1.616.164.030)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	3.564.294.705	-	2.363.239.705	-
	3.564.294.705	-	2.363.239.705	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ông Nguyễn Tấn Trung	1.712.786.117	-	1.960.634.333	-
- Ông Nguyễn Nhật Linh	1.504.029.470	-	1.938.794.102	-
- Bà Mai Thị Thu	1.506.841.560	-	1.796.683.944	-
- Công ty CP Thực phẩm An Long	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Tấn Điền	779.953.744	-	779.953.744	-
- Ông Trần Quý Lưỡng	728.550.000	-	728.550.000	-
- Ông Đặng Hoàng Phương	662.904.000	-	662.904.000	-
- Công ty TNHH Nông nghiệp xanh Việt - Sing	-	-	603.620.134	301.810.068
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Quốc tế	4.322.418.313	1.161.209.157	4.351.145.903	1.161.209.157
- Ông Trần Minh Tuấn	1.706.264.000	1.625.132.000	-	-
- Ông Ngô Văn Thiện	4.840.529.494	4.469.519.959	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Thịnh Phát	3.382.017.073	2.378.873.698	-	-
- Các khoản khác	12.826.463.933	948.677.112	12.074.251.660	505.830.918
	35.572.757.704	10.583.411.926	26.496.537.820	1.968.850.143

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.274.045.583	-	11.219.109.196	(152.760.035)
Công cụ, dụng cụ	2.841.963.622	-	2.306.412.220	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	382.810.224	-	273.846.708	-
Thành phẩm	42.915.029.694	-	30.734.955.240	-
Hàng hoá	2.223.726.400	(361.905.429)	2.719.532.500	(361.905.429)
	65.637.575.523	(361.905.429)	47.253.855.864	(514.665.464)

II . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	597.514.004	3.261.768.755
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.970.182.590	510.396.095
Chi phí bảo hiểm	760.927.901	632.333.067
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	35.998.939
	<u>3.328.624.495</u>	<u>4.440.496.856</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại NM nước ngầm và Cụm công nghiệp Long Cang	3.171.113.189	3.250.955.357
Công cụ dụng cụ xuất dùng	530.341.138	653.776.882
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.761.514.206	1.726.974.441
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	618.672.139
	<u>6.462.968.533</u>	<u>6.250.378.819</u>

1170
ONG T
NHÌEM H
KIEM
AS
KIEM-

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	142.921.857.686	135.069.456.495	62.952.168.603	1.379.997.720	5.289.031.846	347.612.512.350
- Mua trong năm	-	6.858.314.063	1.135.529.999	-	-	7.993.844.062
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.100.918.352)	(31.671.764.224)	(31.189.767)	-	(33.803.872.343)
- Phân loại trình bày lại	-	4.880.431.846	-	-	(4.880.431.846)	-
Số dư cuối năm	142.921.857.686	144.707.284.052	32.415.934.378	1.348.807.953	408.600.000	321.802.484.069
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.230.875.873	27.749.183.695	41.654.688.688	1.021.006.857	877.121.380	79.532.876.493
- Khấu hao trong năm	3.020.313.852	10.422.305.831	5.139.846.016	83.802.024	-	18.666.267.723
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.100.918.352)	(26.392.698.975)	(31.189.767)	-	(28.524.807.094)
- Phân loại trình bày lại	-	468.521.380	-	-	(468.521.380)	-
Số dư cuối năm	11.251.189.725	36.539.092.554	20.401.835.729	1.073.619.114	408.600.000	69.674.337.122
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	134.690.981.813	107.320.272.800	21.297.479.915	358.990.863	4.411.910.466	268.079.635.857
Tại ngày cuối năm	131.670.667.961	108.168.191.498	12.014.098.649	275.188.839	-	252.128.146.947

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 210.373.445.542 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.064.889.635 đồng

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là Phương tiện vận tải, truyền dẫn. Tại thời điểm 31/12/2016, tổng nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản này lần lượt là 61.933.181.824 VND (trong năm, Công ty thuê thêm xe phục vụ hoạt động kinh doanh taxi với nguyên giá 18.175.318.187 VND) và 10.300.763.636 VND, trong đó số khấu hao đã trích trong kỳ là 5.729.313.260 VND.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 786, tờ bản đồ số 5 xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Tại thời điểm 31/12/2016, tổng nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản này lần lượt là 2.793.122.628 VND và 549.314.116 VND, trong đó số khấu hao đã trích trong năm là 55.862.448 VND. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được sử dụng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.340.160.000	9.080.722.816	26.420.882.816
- Thanh lý, nhượng bán	(17.340.160.000)	(5.579.200.706)	(22.919.360.706)
Số dư cuối năm	-	3.501.522.110	3.501.522.110
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	4.762.706.327	4.762.706.327
- Khấu hao trong năm	-	440.121.510	440.121.510
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.449.628.660)	(2.449.628.660)
Số dư cuối năm	-	2.753.199.177	2.753.199.177
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.340.160.000	4.318.016.489	21.658.176.489
Tại ngày cuối năm	-	748.322.933	748.322.933

16 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	41.871.460.559	41.871.460.559	41.871.460.559	41.871.460.559
Khu tái định cư khu biệt thự nhà vườn An Thạnh ^(*)	19.858.029.188	13.594.269.462	19.854.359.726	13.590.600.000
Công trình Công ty Thanh Mỹ	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062
Công trình Khu dân cư Long Kim 2 - Giai đoạn 2	3.532.581.422	3.532.581.422	3.524.103.422	3.524.103.422
Hệ thống đường ống Nhà máy xử lý nước thải Long Cang	1.369.426.280	1.369.426.280	1.122.361.933	1.122.361.933
Cụm công nghiệp Hoàng Long - Long Cang	175.839.481	175.839.481	22.123.156.700	22.123.156.700
Chi phí sản xuất kinh doanh khác	846.137.254	846.137.254	1.052.735.826	1.052.735.826
	75.676.820.246	69.413.060.520	97.571.524.228	91.307.764.502

(*) Chi phí xây dựng khu tái định cư biệt thự nhà vườn An Thạnh tại ngày 31/12/2016 như sau: Giá gốc là 19.858.029.188 đồng, giá trị dự phòng là 6.263.759.726 đồng và giá trị thuần là 13.594.269.462 đồng.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	541.404.848	48.205.658
Xây dựng đường ống cấp nước	541.404.848	48.205.658
- Mua sắm tài sản cố định	147.239.270	5.081.515.859
Hệ thống dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn cá hoàn chỉnh và đồng bộ	147.239.270	-
Máy nghiền mịn RMPF 116 Line 2	-	5.081.515.859
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	216.849.343	181.100.740
Sửa chữa đường ống cấp nước	216.849.343	181.100.740
	905.493.461	5.310.822.257

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần HUM	-	-	17.605.919.170	17.605.919.170
- Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Thạnh Đông	10.331.690.100	10.331.690.100	25.516.322.350	25.516.322.350
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	-	55.190.244.160	55.190.244.160
- Bà Hồ Thị Kim Thoa	15.785.169.996	15.785.169.996	-	-
- Ông Đinh Văn Căn	26.316.479.400	26.316.479.400	-	-
- Ông Nguyễn Hoàng Vũ	15.735.289.341	15.735.289.341	-	-
- Công ty TNHH Hữu Sáng	16.535.178.099	16.535.178.099	12.680.389.825	12.680.389.825
- Chia Tung Development Corp.,Ltd	7.459.051.308	7.459.051.308	7.380.466.044	7.380.466.044
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	1.494.913.140	1.494.913.140	3.406.020.640	3.406.020.640
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	13.057.975.930	13.057.975.930	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Hải Long Hoa	6.193.988.000	6.193.988.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	72.816.076.042	72.816.076.042	65.060.017.956	65.060.017.956
	185.725.811.356	185.725.811.356	186.839.380.145	186.839.380.145
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	3.857.848.703	3.857.848.703	55.649.331.988	55.649.331.988

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Ban QLDA Công trình Ngành nông nghiệp - Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp	3.306.069.000	3.306.069.000
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long	5.062.400.015	-
- BQL Dự án huyện Cần Đước - Long An	-	5.255.090.762
- Ông Trần Văn Hường	-	4.522.580.192
- Ông Nguyễn Văn Liêm	5.146.271.442	-
- Ông Nguyễn Chí Hân	2.011.226.800	2.657.627.200
- Các đối tượng khác	4.793.670.214	6.841.117.083
	<u>20.319.637.471</u>	<u>22.582.484.237</u>
b) Dài hạn		
- Ông Vũ Văn An	612.400.000	612.400.000
- Bà Nguyễn Thị Tú Anh	1.354.800.000	1.354.800.000
- Các đối tượng khác	5.884.074.545	6.551.874.545
	<u>7.851.274.545</u>	<u>8.519.074.545</u>

105 - 4
 3 TY
 HỮU H
 M TOA
 SC
 1 - TP. H

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	179.279.341	6.126.936	10.600.488.082	8.697.832.327	133.708.161	1.863.211.511
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	310.101.859	3.302.989.668	3.666.324.917	5.476.881.642	310.101.859	1.492.432.943
Thuế Thu nhập cá nhân	13.059.191	692.289.292	373.452.438	341.931.582	1.119.371	711.870.328
Thuế Tài nguyên	-	21.366.899	347.796.476	335.664.418	-	33.498.957
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	67.616.901	67.616.901	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	4.644.500	4.644.500	-	-
Các loại thuế khác	-	-	70.657.234	70.657.234	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	734.758.334	683.129.921	520.939.773	-	896.948.482
	502.440.391	4.757.531.129	15.814.110.469	15.516.168.377	444.929.391	4.997.962.221

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	586.894.226	467.249.195
- Trích trước chi phí san lấp Khu công nghiệp Long Cang	1.181.818.182	-
- Chi phí phải trả khác	110.000.000	2.299.565.196
	1.878.712.408	2.766.814.391
b) Dài hạn		
- Trích trước chi phí Dự án Long Kim 2	17.231.895.670	18.513.790.507
	17.231.895.670	18.513.790.507

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	2.127.062.431	2.224.702.116
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	154.312.500	154.312.500
- Phải trả lãi vay	67.545.265.626	124.543.168.436
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp	57.453.322.154	82.029.525.409
+ Ngân hàng TMCP Việt Á	10.091.943.472	42.513.643.027
- Phải trả bà Lê Thanh Huyền - tiền chuyển nhượng cổ phần	-	37.210.000.000
- Phải trả Công ty CP Nước giải khát Hoàng Long Mywaone - tiền chuyển nhượng cổ phần	4.120.868.585	4.870.868.585
- Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II	-	7.000.000.000
- Phải trả Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hoàng Long - mượn tiền	3.546.110.400	-
- Phải trả Ông Phạm Phúc Toại - mượn tiền	468.535.424	-
- Phải trả Bà Lê Thanh Tuyền - lợi nhuận phải trả	4.125.525.684	54.330.525.684
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.648.212.350	2.793.756.965
	85.735.893.000	233.127.334.286
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.275.291.984	1.667.999.935
	1.275.291.984	1.667.999.935

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	410.293.715.440	410.293.715.440	914.284.061.900	1.032.043.197.009	292.534.580.331	292.534.580.331
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An⁽¹⁾</i>	84.863.333.160	84.863.333.160	112.917.167.050	155.762.195.460	42.018.304.750	42.018.304.750
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp⁽²⁾</i>	197.353.075.581	197.353.075.581	180.852.694.850	204.109.494.850	174.096.275.581	174.096.275.581
<i>Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long</i>	122.437.306.699	122.437.306.699	504.886.400.000	627.323.706.699	-	-
<i>Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cadovimex II⁽³⁾</i>	5.640.000.000	5.640.000.000	3.320.000.000	7.540.000.000	1.420.000.000	1.420.000.000
<i>Ông Trần Văn Hương</i>	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
<i>Ông Đỗ Thanh Tùng⁽⁴⁾</i>	-	-	91.000.000.000	16.000.000.000	75.000.000.000	75.000.000.000
<i>Bà Lê Tuyết Hồng</i>	-	-	14.307.800.000	14.307.800.000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7.138.533.387	7.138.533.387	40.731.456.649	7.676.703.236	40.193.286.800	40.193.286.800
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) - Chi nhánh Đồng Tháp⁽⁵⁾</i>	-	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng Giao dịch Huỳnh Văn Bánh⁽⁷⁾</i>	7.138.533.387	7.138.533.387	5.731.456.649	7.676.703.236	5.193.286.800	5.193.286.800
	417.432.248.827	417.432.248.827	955.015.518.549	1.039.719.900.245	332.727.867.131	332.727.867.131

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	577.791.998.800	577.791.998.800	6.485.776.760	51.706.143.650	532.571.631.910	532.571.631.910
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp⁽⁵⁾</i>	577.791.998.800	577.791.998.800	5.615.776.760	51.691.643.650	531.716.131.910	531.716.131.910
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Phòng giao dịch Đô Thành⁽⁶⁾</i>	-	-	870.000.000	14.500.000	855.500.000	855.500.000
- Nợ thuê tài chính ⁽⁷⁾	23.731.123.182	23.731.123.182	23.556.779.736	17.936.664.791	29.351.238.127	29.351.238.127
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	7.138.533.387	7.138.533.387	7.224.961.549	7.676.703.236	6.686.791.700	6.686.791.700
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	16.592.589.795	16.592.589.795	16.331.818.187	10.259.961.555	22.664.446.427	22.664.446.427
	601.523.121.982	601.523.121.982	30.042.556.496	69.642.808.441	561.922.870.037	561.922.870.037
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.138.533.387)	(7.138.533.387)	(40.731.456.649)	(7.676.703.236)	(40.193.286.800)	(40.193.286.800)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	594.384.588.595	594.384.588.595			521.729.583.237	521.729.583.237

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Bao gồm các hợp đồng sau:
- 1.1) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV/0027/KHDN/16LD ngày 16/05/2016, với các điều khoản chi tiết
- Hạn mức tín dụng: 47.615.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, chế biến thủy hải sản; sản xuất thức ăn thủy sản; bán buôn: thực phẩm, nông, lâm sản nguyên liệu và kinh doanh phân bón các loại,...
 - Thời hạn vay: Không quá 9 tháng từ thời điểm nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - + Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 066542 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 09/10/2006, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: T00957;
 - + Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 159389 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 31/12/2008, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: T 03192;
 - + Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 808032799148728 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 07/10/2009. Hồ sơ gốc: HSG.79;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 389970 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 11/09/2015, số vào sổ cấp GCN: CT25582;
 - + Các tài sản đảm bảo khác được nêu cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm số 0138/NHNT-TDC/TD14 ngày 11/09/2014; 0020/NHNT-KHDN/BL15 ngày 18/09/2015; 0021/NHNT-KHDN/TC15 ngày 18/09/2015 và hợp đồng đảm bảo khác phát sinh trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng này.
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 13.837.704.750 đồng.
- 1.2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV/0016/TDC/14LD ngày 27/05/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 35.314.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; Bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá và kinh doanh nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản;
 - Thời hạn vay: 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 28.180.600.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 450/2013/HĐHM/NH-PN/PGBank_ĐT ngày 30/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Từ 7,5%/năm đến 11,5%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Dùng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty làm tài sản đảm bảo.
- (3) Vay Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cadovimex II theo hợp đồng vay vốn ngày 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 02/01/2016; thời hạn vay 12 tháng, khoản cho vay này tạm thời không tính lãi. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4) Bao gồm các hợp đồng sau:
- 4.1) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐMV/2016-MK-ĐTT ngày 04/05/2016 giữa ông Đỗ Thanh Tùng với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2016;
 - Lãi suất cho vay: 15%/năm;

- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 50.000.000.000 đồng.

4.2) Hợp đồng tín dụng số 01B/HĐMV/2016-MK-ĐTT ngày 14/06/2016 giữa ông Đỗ Thanh Tùng với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 3 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 15%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 25.000.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(5) Bao gồm các hợp đồng sau:

5.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 149/2011/HMTD/NH-PN/PGB ngày 29/03/2011 (thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 20/03/2015 từ khoản vay ngắn hạn thành khoản vay trung hạn), với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 14.370.770 USD;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản; cá tra nguyên liệu chế biến xuất khẩu, phân bón;
- Thời hạn trả nợ: Từ quý 1/2018 đến quý 3/2023;
- Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng giấy nhận nợ tương ứng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 12.763.129 USD (tương đương 290.871.709.910 đồng);
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng 11.020.760 cổ phiếu HLG bao gồm 9.770.760 cổ phiếu của bà Lê Ngọc Ánh, 1.008.000 cổ phiếu của ông Phạm Hoàng Long và 242.000 cổ phiếu của bà Phạm Thị Thu Hiền có giá trị 88.166.080.000 đồng cho khoản vay tối đa là 52.899.000.000 đồng; Phần còn lại của hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản, hàng tồn kho.

5.2) Hợp đồng tín dụng số 439/2013/HĐTD/TH-PN/PGB_ĐT ngày 25/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định (quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị nhà máy chế biến thức ăn thủy sản);
- Thời hạn của hợp đồng: 3 năm; Theo Nghị quyết HĐQT ngày 12/3/2015 về việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án cơ cấu nợ theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐQT-PGB Ngày 10/10/2014 cho Công ty TNHH Thủy sản Mekong ân hạn trả gốc bắt đầu từ năm 2017 theo quý đến hết quý 1/2020 đối với khoản nợ gốc 90.000.000.000 đồng.;
- Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất, nhà xưởng sản xuất nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và các công trình phụ trợ của bên thứ 3 là Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Thủy sản Hoàng Long và dây chuyền máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Một thành viên Thức ăn Thủy sản Mekong;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 90.000.000.000 đồng, số đến hạn trả trong năm 2017 là 15.000.000.000 đồng.

5.3) Hợp đồng tín dụng số 450/2013/HĐHM/NH-PN/PGBank_ĐT ngày 30/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong (khoản vay được cơ cấu lại từ ngắn hạn sang dài hạn), với các điều khoản chi tiết sau:

- Gốc vay cơ cấu lại: 164.262.022.000 đồng
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định (quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị nhà máy);

- Thời hạn của hợp đồng: 8 năm; Theo Nghị quyết HĐQT ngày 12/3/2015 về việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án cơ cấu nợ theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐQT-PGB Ngày 10/10/2014 cho Công ty TNHH Thủy sản Mekong ân hạn trả gốc bắt đầu từ năm 2017 theo quý đến hết quý 1/2020 đối với khoản nợ gốc 164.262.022.000 đồng;
 - Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Dùng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty làm tài sản đảm bảo;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 150.844.422.000 đồng, số đến hạn trả trong năm 2017 là 20.000.000.000 đồng;
- (6) Thông báo cấp tín dụng số 01/DTA/TB ngày 25/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Phòng Giao dịch Đô Thành với Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long, với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền cho vay: 870.000.000 đồng
 - Mục đích sử dụng: Mua một xe ô tô hiệu Ford Transit mới 100% phiên bản 2017 phục vụ mục đích kinh doanh vận tải;
 - Thời hạn vay: 60 tháng
 - Lãi suất cho vay: 8,2%/ năm trong 18 tháng đầu. Biên độ sau cho vay 3,7%;
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: 01 xe Ford Transit Dcar mới 100%, sản xuất lắp ráp tại Việt Nam hình thành từ vốn vay theo HĐMB số 212/SGP -HL giữa Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long và CTCP Sài Gòn Phụ Tùng ô tô ngày 20/10/2016;

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (7) Khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng Giao dịch Huỳnh Văn Bánh theo Hợp đồng cho thuê Tài chính số SBL010201611028 ngày 30/11/2016, tài sản thuê là ô tô phục vụ hoạt động taxi, thời hạn thuê của các hợp đồng là 5 năm;
Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 29.351.238.127 đồng, số đến hạn trả trong năm 2017 là 5.193.286.800 đồng;

c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016		01/01/2016	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn					
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt	-	-	122.437.306.699	-
- Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cadovimex II	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt	1.420.000.000	-	5.640.000.000	-
		1.420.000.000	-	128.077.306.699	-

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(255.595.903.603)	1.862.438.111	219.000.127.584
Lãi trong năm trước	-	-	-	140.057.716.362	(1.006.646.120)	139.051.070.242
Tăng/giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	10.004.578.348	(855.791.991)	9.148.786.357
Số dư cuối năm trước	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(105.533.608.893)	-	367.199.984.183
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(105.533.608.893)	-	367.199.984.183
Lãi trong năm nay	-	-	-	140.982.813.349	-	140.982.813.349
Giảm khác	-	-	-	(808.381.833)	-	(808.381.833)
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	34.640.822.623	-	507.374.415.699

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Bà Lê Ngọc Ánh	154.176.750.000	34,74	154.176.750.000	34,74
Ông Phạm Phúc Toại	111.331.970.000	25,09	111.331.970.000	25,09
Ông Lê Tuấn Kiệt	30.017.500.000	6,76	30.017.500.000	6,76
Cổ phiếu quỹ	1.500.000.000	0,34	1.500.000.000	0,34
Các cổ đông khác	146.727.630.000	33,07	146.727.630.000	33,07
	443.753.850.000	100,00	443.753.850.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	443.753.850.000	443.753.850.000
- Vốn góp đầu năm	443.753.850.000	443.753.850.000
- Vốn góp cuối năm	443.753.850.000	443.753.850.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
- Cổ phiếu phổ thông	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
- Cổ phiếu phổ thông	150.000	150.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
- Cổ phiếu phổ thông	44.225.385	44.225.385

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.479.743.076	36.479.743.076
	<u>36.479.743.076</u>	<u>36.479.743.076</u>

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
USD	5.214,50	4.175,07
EUR	101,07	100,83

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh thương mại	1.661.500.345.369	436.073.669.256
Doanh thu kinh doanh bất động sản	62.805.222.404	27.034.544.546
Doanh thu hoạt động xây lắp	5.771.383.636	5.177.753.616
Doanh thu cung cấp nước	8.692.893.291	7.897.234.754
Doanh thu hoạt động taxi	55.811.501.503	71.135.623.175
Doanh thu kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản	1.259.435.638.959	1.351.713.904.966
Doanh thu các hoạt động khác	2.420.439.915	1.097.762.414
	<u>3.056.437.425.077</u>	<u>1.900.130.492.727</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	<u>1.911.385.092.797</u>	<u>1.291.049.896.397</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.752.321.855	47.185.889
Hàng bán bị trả lại	446.475.552	7.068.267.900
Giảm giá hàng bán	58.050.000	149.600.000
	8.256.847.407	7.265.053.789

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thương mại	1.544.566.599.248	401.275.606.254
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	43.069.186.221	19.851.822.046
Giá vốn hoạt động xây lắp	5.996.606.206	8.620.955.099
Giá vốn cung cấp nước	5.707.623.424	5.530.149.625
Giá vốn hoạt động taxi	50.572.056.113	60.584.938.530
Giá vốn kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản	1.151.786.592.290	1.281.178.296.057
Giá vốn các hoạt động khác	1.347.226.084	2.819.239.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	6.416.519.761
	2.803.045.889.586	1.786.277.527.034

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	66.728.368.879	10.304.059.502
Lãi bán hàng trả chậm	2.485.791.949	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	154.732.069.864
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.022.834.018	1.234.411.109
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.956.847	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	93.492.000
	70.242.951.693	166.364.032.475

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	101.728.768.466	62.358.779.615
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.394.071.350	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	570.796.685	25.224.142.017
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.350.045.437	955.815.198
Chi phí tài chính khác	-	1.349.198.932
	110.043.681.938	89.887.935.762

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.210.972	5.020.507.934
Chi phí nhân công	4.153.743.019	3.874.294.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.401.029.166	15.473.877.019
Chi phí khác bằng tiền	7.067.072.301	4.940.857.439
	13.780.055.458	29.309.536.451

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	636.666.041	1.821.446.513
Chi phí nhân công	16.723.975.924	20.355.642.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.149.521.544	2.413.233.258
Thuế, phí, lệ phí	208.126.288	270.032.540
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	461.658.101	(1.424.903.419)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.581.158.859	4.512.183.505
Chi phí khác bằng tiền	4.021.394.182	6.665.699.048
	25.782.500.939	34.613.333.923

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.491.162.026	-
Thu nhập từ tiền phạt, tiền bồi thường	221.051.710	187.612.153
Thu nhập khác	501.563.822	1.896.726.863
	3.213.777.558	2.084.339.016

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	335.634.172
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	1.146.383.844	-
Chi phí khác	73.285.235	577.373.961
	1.219.669.079	913.008.133

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	3.331.221.718	2.098.343.727
	3.331.221.718	2.098.343.727

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.716.551.727	2.903.659.919
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	41.596.961.601	67.805.735.699
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(12.671.452.324)	(15.601.574.782)
	31.642.061.004	55.107.820.836

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(8.408.726)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	855.326	726.215.773
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.930.122.458)	(44.320.123.564)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.376.642.407	22.746.494.396
	23.438.966.549	(20.847.413.395)

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	140.982.813.349	140.057.716.362
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	140.982.813.349	140.057.716.362
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	44.225.385	44.225.385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.188	3.167

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.135.821.642.472	1.310.317.390.596
Chi phí nhân công	42.101.773.156	105.015.196.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.891.564.941	34.320.059.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.841.062.582	67.459.695.198
Chi phí khác bằng tiền	10.809.635.022	26.873.358.310
	1.249.465.678.173	1.543.985.700.075

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.224.494.878	-	6.874.424.479	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	562.201.491.862	(23.149.119.040)	883.152.080.515	(22.942.546.938)
Các khoản cho vay	493.749.670.474	(1.471.953.744)	309.895.040.512	(1.471.953.744)
	1.061.175.657.214	(24.621.072.784)	1.199.921.545.506	(24.414.500.682)
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			854.457.450.368	1.011.816.837.422
Phải trả người bán, phải trả khác			272.736.996.340	421.634.714.366
Chi phí phải trả			19.110.608.078	21.280.604.898
			1.146.305.054.786	1.454.732.156.686

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.224.494.878	-	-	5.224.494.878
Phải thu khách hàng, phải thu khác	535.488.078.117	3.564.294.705	-	539.052.372.822
Các khoản cho vay	412.277.716.730	80.000.000.000	-	492.277.716.730
	952.990.289.725	83.564.294.705	-	1.036.554.584.430
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.874.424.479	-	-	6.874.424.479
Phải thu khách hàng, phải thu khác	857.846.293.872	2.363.239.705	-	860.209.533.577
Các khoản cho vay	228.423.086.768	80.000.000.000	-	308.423.086.768
	1.093.143.805.119	82.363.239.705	-	1.175.507.044.824

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

111
CÔNG
NHIỆM
KIỂM
3A
KIỂM

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	332.727.867.131	521.729.583.237	-	854.457.450.368
Phải trả người bán, phải trả khác	271.461.704.356	1.275.291.984	-	272.736.996.340
Chi phí phải trả	1.878.712.408	17.231.895.670	-	19.110.608.078
	606.068.283.895	540.236.770.891	-	1.146.305.054.786
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	417.432.248.827	594.384.588.595	-	1.011.816.837.422
Phải trả người bán, phải trả khác	419.966.714.431	1.667.999.935	-	421.634.714.366
Chi phí phải trả	2.766.814.391	18.513.790.507	-	21.280.604.898
	840.165.777.649	614.566.379.037	-	1.454.732.156.686

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	931.485.880.087	817.251.499.343

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.081.311.834.589	888.065.518.702
Tiền trả nợ thuê tài chính	17.936.664.791	7.319.249.096

40 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị mở rộng số 01/BBHQQT-HLG/2017 ngày 08/03/2017, Hội đồng Quản trị thống nhất để đảm bảo hoạt động kinh doanh và phát triển theo kế hoạch đã đề ra, Công ty tiếp tục thực hiện các giao dịch, hợp đồng mua bán thương mại, hợp đồng tài trợ vốn... với các đối tác có quan hệ và liên quan của Công ty khi cần thiết (gồm: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long, Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long, Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long, Công ty CP Chế biến và XNK Thủy sản Cadovimex II, Công ty TNHH Thương mại An Thịnh), vấn đề này sẽ được trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

105 -
TY
HỮU H.
4 TOA
3C
- TP. H.

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biển thủy sản VND	Kinh doanh thương mại VND	Kinh doanh bất động sản VND	Kinh doanh taxi VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.251.623.626.959	1.661.476.269.817	62.394.822.404	55.801.141.648	16.884.716.842	3.048.180.577.670
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	99.837.034.669	116.909.670.569	19.325.636.183	5.229.085.535	3.833.261.128	245.134.688.084
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.719.501.974	-	733.483.293	19.310.848.186	-	21.763.833.453
Tài sản bộ phận	638.867.825.468	64.682.324.448	138.845.682.857	78.983.417.849	131.333.947.448	1.052.713.198.070
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	626.577.967.580
Tổng tài sản	638.867.825.468	64.682.324.448	138.845.682.857	78.983.417.849	131.333.947.448	1.679.291.165.650
Nợ phải trả bộ phận	654.822.639.554	106.109.580.466	34.551.534.238	37.886.517.144	10.700.811.608	844.071.083.010
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	359.487.727.945
Tổng nợ phải trả	654.822.639.554	106.109.580.466	34.551.534.238	37.886.517.144	10.700.811.608	1.203.558.810.955

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 22) như sau:

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	(*)	656.328.995.290	336.487.963.667
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	402.880.917.923	398.475.306.225
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	(*)	419.846.306.454	384.137.631.455
- Công ty CP Chế biến và XNK Thủy sản Cadovimex II	(*)	432.328.873.130	171.948.995.050
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	169.224.033.264	25.123.779.604
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	(*)	614.020.391.100	388.978.448.115
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	(*)	525.883.079	271.923.194
Lãi cho vay			
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	33.436.375.173	25.704.735.116
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	(*)	843.635.454	-
Cho mượn tiền, cho vay vốn			
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	(*)	25.300.000.000	15.405.198.200
- Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(*)	7.460.000.000	2.060.000.000
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	359.403.300.000	324.605.488.229
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	(*)	-	17.104.000.000
Vay vốn, mượn tiền			
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	(*)	504.886.400.000	229.868.600.299
- Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(*)	3.320.000.000	11.280.000.000
- Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch HĐQT	470.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
- Bà Phạm Huyền Trang	Con chủ tịch HĐQT	8.856.725.000	8.856.725.000
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	(*)	156.407.851.964	89.570.586.510



	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	130.879.937.385	226.988.961.242
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	(*)	11.981.382.907	193.670.462.716
- Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu CADOVIMEX II	(*)	21.892.723.715	41.846.285.370
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	(*)	-	29.575.540.083
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	(*)	-	27.584.178.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	23.457.279.163	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	(*)	15.919.346.581	-
Phải thu về cho vay, cho mượn ngắn hạn			
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	Công ty liên kết	542.000.000	542.000.000
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	(*)	914.750.804	15.585.406.239
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy sản Hoàng Long	(*)	-	17.717.277.361
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	382.362.965.926	194.820.403.168
Phải thu ngắn hạn khác			
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	86.921.914.925	53.635.507.400
- Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(*)	6.304.018.668	40.943.133.909
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	(*)	-	2.144.630.000
Phải thu về cho vay dài hạn			
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn			
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	-	80.605.887
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long	(*)	-	55.190.244.160
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	(*)	3.857.848.703	378.481.941
Người mua trả tiền trước			
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long	(*)	5.062.400.015	-
Phải trả khác			
- Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	(*)	-	7.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	(*)	3.546.110.400	-
- Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch HĐQT	468.535.424	-

(*) Thành viên trong Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long cũng là Thành viên trong Hội đồng quản trị, Hội đồng Thành viên/Ban Giám đốc của các Công ty này.

1105 -
GTY
M HUUH
EM TOA
SC
M - TP. H

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.747.932.154	1.498.010.000

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DTL kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	229.895.040.512	61.993.272.811
Phải thu ngắn hạn khác	136	197.779.189.594	365.680.957.295
Phải trả ngắn hạn khác	319	233.127.334.286	233.382.334.286
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	417.432.248.827	581.694.270.827
Phải trả dài hạn khác	337	1.667.999.935	1.412.999.935
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	594.384.588.595	430.122.566.595

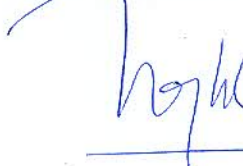
Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

